

Phụ lục 04

**HƯỚNG DẪN ĐỊNH DẠNG BÁO CÁO GIAO DỊCH CỔ GIÁ TRỊ LỚN PHẢI BÁO CÁO BẰNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ
(DÙNG CHO CÁC TỔ CHỨC PHI TÀI CHÍNH)**

(Đính kèm Công văn số....., ngày tháng năm 2023)

1. Cơ sở, đối tượng, phương thức báo cáo

1.1. Cơ sở hướng dẫn

Điều 25, Luật Phòng, chống rửa tiền (PCRT) số 14/2022/QH15; Quyết định số 11/2023/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 6, Điều 10 Thông tư số 09 Ngày 28/7/2023 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Khoản 2, Điều 4, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022.
- Doanh nghiệp kinh doanh vàng miếng;
- Bộ Tài chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán, dịch vụ kế toán, trò chơi điện tử có thưởng, casino, xổ số, đặt cược và dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng trong lĩnh vực kinh doanh Doanh nghiệp bất động sản (trừ việc cho thuê, cho thuê lại bất động sản và dịch vụ tư vấn bất động sản);
- Bộ Công thương trong lĩnh vực kinh doanh kim khí quý, đá quý (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ);
- Bộ Tư pháp trong lĩnh vực kinh doanh Luật sư dịch vụ pháp lý, Dịch vụ công chứng;
- Bộ Thông tin và truyền thông trong lĩnh vực kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet;
- Bộ Nội vụ triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức tôn giáo;
- Bộ ngoại giao triển khai công tác phòng, chống rửa tiền đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài;
- Bộ ngành khác triển khai công tác phòng, chống rửa tiền với đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

1.3. Phương thức báo cáo

Các đối tượng báo cáo quy định tại mục 1.2 Phụ lục này, gửi tệp (file) báo cáo khi phát sinh giao dịch theo hướng dẫn tại tài liệu này đến NHNN bằng phần mềm TRAMLclient (*hướng dẫn sử dụng phần mềm, download phần mềm trên website <http://www.sbv.gov.vn> chuyên mục: Trang chủ/Phòng, chống rửa tiền/Công nghệ*). Trường hợp các đối tượng báo cáo khi chưa thiết lập được đường truyền kết nối đến Cục Công nghệ thông tin – NHNN, thực hiện gửi file báo cáo đến NHNN bằng cách gửi đến địa chỉ Email: kythuat_pcrt@sbv.gov.vn.

2. Quy định chung

2.1. Cấu trúc các phần thông tin trên mỗi giao dịch

Bảng dưới đây quy định cấu trúc các phần thông tin trên mỗi giao dịch được quy định tại Mục 3 của Phụ lục này.

STT	Phần thông tin trên mỗi giao dịch	Mô tả
1	Phần I: Thông tin giao dịch	Đây là phần thông tin về giao dịch của Khách hàng, bao gồm các mã trường: F1.1; F1.2; F1.3; F1.4; F1.5; F1.6; F1.7; F1.8; F1.9; F1.10; ; F1.11 được quy định tại Mục 3 của Phụ lục này.
2	Phần II: Thông tin về khách hàng thực hiện giao dịch	Đây là thông tin của Khách hàng thực hiện giao dịch, bao gồm các mã trường: F2.1; F2.2; F2.3; F2.4; F2.5; F2.6; F2.7; F2.8; F2.9; F2.10; F2.11 được quy định tại Mục 3 của Phụ lục này.
3	Phần III: Thông tin của đối tượng báo cáo cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng	Đây là phần thông tin của Đối tượng báo cáo cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng, bao gồm các mã trường: F3.1; F3.2; F3.3; F3.4; F3.5; F3.6; F3.7; F3.8 được quy định tại Mục 3 của Phụ lục này.

Bảng 2.1: Cấu trúc thông tin trên mỗi giao dịch

2.2. Quy định về trường thông tin bắt buộc và tùy chọn

STT	Kí hiệu	Mô tả
-----	---------	-------

1	M	Trường thông tin bắt buộc yêu cầu đối tượng báo cáo được quy định tại mục 1.2 Phụ lục này (sau đây gọi tắt là: ĐTBCT) phải cung cấp.
2	O	Trường thông tin tùy chọn đối tượng báo cáo có thể không cung cấp nếu không có thông tin.
3	NA	Trường thông tin đối tượng báo cáo không cần phải cung cấp.
4	M!	Trường dữ liệu chứa chính xác các ký tự đã được định nghĩa theo PHỤ LỤC 05 .
Bảng 2.2: Bảng mã quy định trường thông tin bắt buộc, tùy chọn		

2.3. Quy định về mã loại nghiệp vụ

STT	Mã	Nội dung nghiệp vụ	Phần I	Phần II	Phần III	Thông tin trên báo cáo
1	C401	Khách hàng mang tiền mặt đến mua hàng hóa, dịch vụ tại đối tượng báo cáo	Thông tin giao dịch	Thông tin khách hàng	Thông tin của đối tượng báo cáo cung cấp hàng hóa, dịch vụ	Phần I, II, III
2	D401	Khách hàng bán hàng hóa, dịch vụ tại đối tượng báo cáo và nhận tiền mặt	Thông tin giao dịch	Thông tin khách hàng	Thông tin của đối tượng báo cáo cung cấp hàng hóa, dịch vụ	Phần I, II, III
Bảng 2.3: Bảng quy định mã danh mục nghiệp vụ						

2.4. Quy định về cấu trúc tên file báo cáo

- Tên file báo cáo được cấu trúc theo bảng dưới đây.

Mã đối tượng báo cáo	-	Ngày giao dịch	-	Loại báo cáo	-	Hình thức báo cáo	-	Số thứ tự	.	TXT
----------------------	---	----------------	---	--------------	---	-------------------	---	-----------	---	-----

- Giải thích cấu trúc tên file báo cáo

STT	Trường thông tin	Giải thích	Kiểu dữ liệu	M/O
1	Mã đối tượng báo cáo	Là mã 8 ký tự của đối tượng báo cáo theo quy định tại Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)	Varchar (8!)	M
2	Ngày giao dịch	Là ngày phát sinh giao dịch phải báo cáo theo quy định Định dạng dữ liệu: YYYYMMDD	Date	M
3	Loại báo cáo	Nhận giá trị mặc định là: CTR1	Varchar (3)	M
4	Hình thức báo cáo	03 ký tự, nhận các giá trị quy định tại mục 5 PHỤ LỤC 05	Varchar (3)	M
5	Số thứ tự	Số thứ tự file báo cáo tăng dần theo ngày, bắt đầu từ 001 đến 999	Varchar (3)	M
6	–	Ký tự gạch dưới để nối các trường thông tin tại STT 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên	Varchar (1)	M
7	.	Dấu chấm dùng để phân định phần tên file báo cáo với phần định dạng file TXT	Varchar (1)	M
8	TXT	Phần định dạng của file báo cáo	Varchar (3)	M
Bảng 2.4: Bảng giải thích cấu trúc tên file báo cáo				

Ví dụ: Công ty vàng ngân hàng Công thương ngày 10/06/2023 gửi file Báo cáo mua bán vàng (báo cáo CTR1) thì cấu trúc file báo cáo như sau:

01309001_20230610_CTR1_GLD_001.TXT

2.5. Quy định về cấu trúc dòng tiêu đề trong file báo cáo

- Cấu trúc tiêu đề trong file báo cáo

Mã ngân hàng	#	Ngày giao dịch	#	Loại báo cáo	#	Hình thức báo cáo	#	Số thứ tự	#	Số lượng
--------------	---	----------------	---	--------------	---	-------------------	---	-----------	---	----------

- Giải thích tiêu đề trong file báo cáo

STT	Trường thông tin	Giải thích	Kiểu dữ liệu	M/O
1	Mã đối tượng báo cáo	Là mã 8 ký tự của đối tượng báo cáo theo quy định tại Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).	Varchar (8)	M
2	Ngày giao dịch	Là ngày phát sinh giao dịch phải báo cáo theo quy định Định dạng dữ liệu: YYYYMMDD	Date	M
3	Loại báo cáo	Nhận giá trị mặc định là: CTR1	Varchar (3)	M
4	Hình thức báo cáo	03 ký tự, nhận các giá trị quy định theo định dạng tại mục 5 PHỤ LỤC 05.	Varchar (3)	M
5	Số thứ tự	Số thứ tự file báo cáo tăng dần theo ngày, bắt đầu từ 001 đến 999	Varchar (3)	M
6	Số lượng	Số lượng giao dịch. Nếu không phát sinh giao dịch, đối tượng báo cáo vẫn phải báo cáo và giá trị này là 0.	Number	M
7	#	Ký tự (#) dùng để phân cách các trường thông tin tại STT 1, 2, 3, 4, 5, 6	Varchar (1)	M
Bảng 2.5: Bảng giải thích các trường thông tin dòng tiêu đề				

2.6. Một số chú ý

- Ký tự (#) dùng để phân cách (nhận dạng) các trường thông tin quy định tại Mục 3 của PHỤ LỤC này. Do vậy nội dung tại các trường thông tin ĐTBK không được chứa ký tự “#”. Trường hợp nội dung tại các trường thông tin có ký tự (#), ký tự xuống dòng, ĐTBK cần phải thay thế bằng ký tự tương ứng là dấu gạch giữa (-), dấu chấm than (!) khi báo cáo thông tin để tránh gặp lỗi cấu trúc tệp báo cáo. Đối với phần thông tin không bắt buộc/không yêu cầu thông tin (O/ NA) thì trên báo cáo vẫn hiển thị dưới dạng không có thông tin (##) để đảm bảo số lượng các trường báo cáo thống nhất.

- Đối tượng báo cáo không được phép báo cáo các giao dịch phát sinh các ngày khác nhau trong một file báo cáo.

- Giá trị của các trường trong dòng Tiêu đề phải giống với giá trị của các trường tương ứng ở tên file báo cáo theo quy định tại mục 2.4 PHỤ LỤC này.

- Nếu không phát sinh giao dịch, ĐTBK vẫn phải gửi file báo cáo theo hướng dẫn.

- Định dạng trường Mã số thuế được quy định trong Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn Luật Quản lý thuế về đăng ký thuế.
- Không cần gửi báo cáo CTR1 nếu đối tượng báo cáo không phát sinh nghiệp vụ mua bán hàng hóa, dịch vụ.
- Định dạng Unicode: UTF-8 without Signature (Tiếng việt có dấu) hoặc ANSI (Tiếng việt không dấu).

3. Quy định cụ thể các trường thông tin cần báo cáo theo từng giao dịch

STT	Mã trường	Trường thông tin	Giải thích	Kiểu dữ liệu	MÃ LOẠI GIAO DỊCH	
					C401	D401
Phần I. Thông tin giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ						
1	F1.1	Mã đối tượng báo cáo	Là mã ngân hàng 8 ký tự của hội sở của TCTD theo quy định tại Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). ¹	Varchar (100)	M	M
2	F1.2	Mã giao dịch	Mã giao dịch hoặc Số hợp đồng mua bán hàng hóa dịch vụ	Varchar (1024)	M	M
3	F1.3	Thời điểm giao dịch	Thời điểm phát sinh giao dịch. Định dạng YYYYMMDD HH24:MI:SS	Date	M	M
4	F1.4	Kí hiệu mua/bán	Bán: B Mua: M Đối tượng báo cáo cung cấp hàng hóa/dịch vụ cho khách hàng: B Đối tượng báo cáo mua hàng hóa/dịch vụ của khách hàng: M	Varchar (1)	M	M

¹Trường hợp đối tượng báo cáo chưa có mã ngân hàng (Mã 8 số do ngân hàng nhà nước cấp) theo quy định tại Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), Đề nghị đối tượng báo cáo liên hệ Cục Công nghệ thông tin để được hướng dẫn, cấp mã, cụ thể: Cục Công nghệ thông tin, Số 64 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội; Số điện thoại 024.32595986, Email: hotroinhoc@sbv.gov.vn, Fax: 024.37733413; Cục Phòng, chống rửa tiền, Số 504, Xã Đàn, Đống Đa, Hà Nội; Số điện thoại 0243.9392252, Email: kythuat_pcrt@sbv.gov.vn.

STT	Mã trường	Trường thông tin	Giải thích	Kiểu dữ liệu	MÃ LOẠI GIAO DỊCH	
					C401	D401
5	F1.5	Loại hàng hóa	03 ký tự, quy định tại mục 9 PHỤ LỤC 05	Varchar (3)	M!	M!
6	F1.6	Số lượng và đơn vị tính	Số lượng và đơn vị tính của hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp cho khách hàng. VD: ĐTBK bán 10 chỉ vàng: 10 Chỉ	Varchar (1024)	O	O
7	F1.7	Loại tiền	03 ký tự theo chuẩn ISO-4217, quy định tại mục 7 PHỤ LỤC 05. Loại tiền mặt khách hàng sử dụng để trao đổi khi mua bán hàng hóa, dịch vụ	Varchar (3)	M!	M!
8	F1.8	Số tiền giao dịch	Số tiền trao đổi trước khi quy đổi sang VND	Number (22, 2)	M	M
9	F1.9	Số tiền quy đổi sang VNĐ	Số tiền trao đổi được quy đổi sang VND	Number (22)	M	M
10	F1.10	Lý do, mục đích trao đổi	Lý do, mục đích khách hàng thực hiện giao dịch	Varchar (1024)	M	M
11	F1.11	Địa điểm	Địa điểm phát sinh giao dịch (gồm cả tên và địa chỉ của địa điểm kinh doanh)	Varchar (1024)	M	M
Phần II. Thông tin khách hàng thực hiện giao dịch Thông tin của khách hàng có giao dịch mua, bán hàng hóa dịch vụ						
12	F2.1	Kiểu khách hàng	05 ký tự quy định quy định tại mục 3 PHỤ LỤC 05.	Varchar (5)	M!	M!
13	F2.2	Tên khách hàng	Họ và tên đối với khách hàng là cá nhân. Tên giao dịch đầy đủ đối với khách hàng là tổ chức.	Varchar (1024)	M	M
14	F2.3	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Anh của khách hàng tổ chức	Varchar (1024)	O	O

STT	Mã trường	Trường thông tin	Giải thích	Kiểu dữ liệu	MÃ LOẠI GIAO DỊCH	
					C401	D401
15	F2.4	Quốc tịch/ Quốc gia	02 kí tự mã quốc gia theo chuẩn ISO-3166, được quy định tại mục 8 PHỤ LỤC 05. - Quốc tịch của khách hàng là cá nhân đến thực hiện giao dịch - Quốc gia nơi đăng ký kinh doanh hoặc nơi đặt trụ sở chính đối với khách hàng là tổ chức	Varchar (2)	M!	M!
16	F2.5	Địa chỉ đăng ký thường trú/ Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/ Địa chỉ trụ sở chính	- Địa chỉ đăng ký thường trú đối với khách hàng cá nhân là người Việt Nam, hoặc - Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài, hoặc - Địa chỉ trụ sở chính đối với khách hàng là tổ chức	Varchar (1024)	M	M
17	F2.6	Nơi ở hiện tại/ Địa chỉ cư trú ở nước ngoài	- Nơi ở hiện tại đối với khách hàng cá nhân là người Việt Nam, hoặc - Địa chỉ cư trú ở nước ngoài đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài	Varchar (1024)	O	O
18	F2.7	Ngày sinh	Ngày, tháng, năm sinh của khách hàng là cá nhân thực hiện giao dịch, định dạng YYYYMMDD Thông tin ngày sinh là bắt buộc nếu khách hàng là cá nhân, không bắt buộc nếu khách hàng là tổ chức.	Date	M/O	M/O
19	F2.8	Loại giấy tờ	Loại giấy tờ của khách hàng thực hiện giao dịch, nhận 03 ký tự quy định tại mục 4 PHỤ LỤC 05.	Varchar (3)	M!	M!
20	F2.9	Số giấy tờ	- Là số CCCD, CMND, số định danh cá nhân, số hộ chiếu đối với khách hàng là cá nhân. - Mã số thuế, mã số doanh nghiệp, quyết định thành lập đối với khách hàng là tổ chức.	Varchar (1024)	M	M

STT	Mã trường	Trường thông tin	Giải thích	Kiểu dữ liệu	MÃ LOẠI GIAO DỊCH	
					C401	D401
			- Số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế đối với khách hàng cá nhân là người không có quốc tịch			
21	F2.10	Số thị thực nhập cảnh	Số thị thực nhập cảnh của khách hàng là người nước ngoài (nếu có).	Varchar (1024)	O	O
22	F2.11	Số điện thoại	Số điện thoại liên lạc của người thực hiện giao dịch	Varchar (20)	O	O
III. Thông tin đối tượng báo cáo thực hiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ						
23	F3.1	Loại đối tượng báo cáo	Là mã ngân hàng 8 ký tự của hội sở của TCTD theo quy định tại Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). ²	Varchar (1)	M!	M!
24	F3.2	Tên đối tượng báo cáo	Tên của đối tượng báo cáo	Varchar (1024)	M	M
25	F3.3	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Anh của đối tượng báo cáo	Varchar (1024)	O	O
26	F3.4	Quốc gia	02 ký tự mã quốc gia theo chuẩn ISO-3166, quy định tại mục 8 PHỤ LỤC 05. - Quốc gia nơi đăng ký kinh doanh hoặc nơi đặt trụ sở chính của đối tượng báo cáo	Varchar (2)	M!	M!
27	F3.5	Địa chỉ	Địa chỉ của đối tượng báo cáo	Varchar (1024)	M	M
28	F3.6	Loại giấy tờ	Loại giấy tờ định danh của đối tượng báo cáo, 03 ký tự quy định tại mục 4 PHỤ LỤC 05.	Kiểu số (3)	M!	M!

² Trường hợp đối tượng báo cáo chưa có mã ngân hàng (Mã 8 số do ngân hàng nhà nước cấp) theo quy định tại Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), Đề nghị đối tượng báo cáo liên hệ Cục Công nghệ thông tin để được hướng dẫn, cấp mã, cụ thể: Cục Công nghệ thông tin, Số 64 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội; Số điện thoại 024.32595986, Email: hotro tinhoc@sbv.gov.vn, Fax: 024.37733413); Cục Phòng, chống rửa tiền, Số 504, Xã Đàn, Đống Đa, Hà Nội; Số điện thoại 0243.9392252, Email: kythuat_pcrt@sbv.gov.vn.

STT	Mã trường	Trường thông tin	Giải thích	Kiểu dữ liệu	MÃ LOẠI GIAO DỊCH	
					C401	D401
29	F3.7	Số giấy tờ	Số giấy tờ định danh của đối tượng báo cáo	Varchar (1024)	M	M
30	F3.8	Số điện thoại	Số điện thoại liên lạc của đối tượng báo cáo	Varchar (20)	M	M

Bảng 3: Bảng quy định thông tin cần báo cáo, kiểu dữ liệu, độ lớn, bắt buộc, tùy chọn

4. Ví dụ mẫu

Ngày 20/7/2023 Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn – SJC thực hiện nghiệp vụ mua bán vàng miếng, Công ty JSC thực hiện tạo file báo cáo và gửi báo cáo lần đầu như sau:

Tên file báo cáo: **79884001_20230720_CTR1_GLD_001.TXT**

Nội dung trong file báo cáo:

79884001#20230720#AUR#GLD#001#2	1
79884001#AUR0001#20230720 10:00:00#B#PAU#1000#VND#70000000#70000000#Mua vàng miếng#SJC Hàng Bạc. Hoàn Kiếm. Hà Nội#PHYSI#Nguyễn Văn Hình##VN#185 ĐƯỜNG SỐ 7 QUẬN BÌNH TÂN PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG. TP.HỒ CHÍ MINH##19800104#100#001180012059###G#Công ty vàng bạc SJC#SJC Jewelry#VN#Trần Nhân Tông. Hai Bà Trưng#200#MST902890823#0978789723	2
79884001#AUR0002#20230720 10:00:00#S#PAU#3000#VND#210000000#210000000#Bán vàng miếng#SJC Hàng Bạc. Hoàn Kiếm. Hà Nội#PHYSI#Nguyễn Thu Hòa##VN#19/15 THẠCH THỊ THANH QUẬN 1 PHƯỜNG TÂN ĐỊNH. TP.HỒ CHÍ MINH##19810104#100#001181012034###0356889002#G#Công ty vàng bạc SJC#SJC Jewelry#VN#Trần Nhân Tông. Hai Bà Trưng#200#MST902890823#0978789723	3

Trong đó: (1) Dòng tiêu đề đầu tiên của file báo cáo
 (2) Thông tin về giao dịch mua vàng miếng
 (3) Thông tin về giao dịch bán vàng miếng